

Số: 153/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố;*

*Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Tổ công tác) về kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa và một số tỉnh, thành phố; Tổ công tác gồm các thành viên:

1. Ông Lê Minh Khái, Phó Thủ tướng Chính phủ, Tổ trưởng;
2. Ông Đoàn Hồng Phong, Tổng Thanh tra Chính phủ, Tổ phó Thường trực;
3. Ông Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổ phó;
4. Ông Lê Thành Long, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Tổ phó;
5. Ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ phó;
6. 01 lãnh đạo các bộ, ngành là thành viên Tổ công tác: Thanh tra Chính phủ, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Công an, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ;
7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố là thành viên Tổ công tác: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Khánh Hòa;

8. Mời 01 lãnh đạo các cơ quan tham gia Tổ công tác: Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ công tác**

### 1. Nhiệm vụ của Tổ công tác:

a) Chỉ đạo kiểm tra, rà soát khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa và một số tỉnh, thành phố.

b) Tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố đối với các nội dung vượt thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

d) Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp việc giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án thuộc thẩm quyền của các bộ, ngành, địa phương.

đ) Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến đất đai không có vướng mắc, phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo phân công, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

### 2. Quyền hạn của Tổ công tác:

a) Yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có liên quan báo cáo, cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Tổ công tác; kiến nghị giải pháp giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố.



b) Mời lãnh đạo các cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có liên quan hoặc các tổ chức, chuyên gia phối hợp, tham vấn trong quá trình Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ.

### **Điều 3. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Tổ công tác**

1. Tổ công tác chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quyết định này và Quy chế làm việc của Tổ công tác.

2. Tổ công tác làm việc theo chế độ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu; các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo chế độ kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được phân công.

3. Tổ trưởng Tổ công tác được sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ; Tổ phó Thường trực được sử dụng con dấu của Thanh tra Chính phủ để thực hiện nhiệm vụ và điều hành hoạt động của Tổ công tác; Tổ phó và các thành viên Tổ công tác được sử dụng con dấu của cơ quan mình để thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác.

4. Thanh tra Chính phủ xây dựng, báo cáo Tổ trưởng Tổ công tác ban hành Quy chế làm việc, Kế hoạch hoạt động của Tổ công tác.

### **Điều 4. Tổ giúp việc của Tổ công tác**

1. Thanh tra Chính phủ quyết định thành lập Tổ giúp việc của Tổ công tác.

2. Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan có trách nhiệm cử thành viên tham gia Tổ giúp việc của Tổ công tác theo đề nghị của Thanh tra Chính phủ.

3. Thành viên Tổ giúp việc có trách nhiệm đề xuất, tham mưu, tổng hợp các nội dung làm việc của Tổ công tác trong phạm vi nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý của cơ quan mình theo chỉ đạo, phân công của lãnh đạo Tổ công tác.

### **Điều 5. Kinh phí hoạt động của Tổ công tác**

1. Kinh phí hoạt động của Tổ công tác, Tổ giúp việc được bố trí riêng trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, cơ quan theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí hoạt động của thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc thuộc bộ, cơ quan quy định tại Điều 1, Điều 4 Quyết định này được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của bộ, cơ quan đó.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các thành viên quy định tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Tổng Bí thư (để b/c);
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, V.I (2b). 110

**THỦ TƯỚNG**



**Phạm Minh Chính**